

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Sơn

2. Bà Đỗ Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hoàng Anh là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Hồ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: số 47 đường Đinh Công Tráng, Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

Bị đơn: Ông Trần Hữu Q, sinh năm: 1966; địa chỉ: số 47 đường Đinh Công Tráng, Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Trần Hữu Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Đ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau tại nhà chồng tại địa chỉ: số 47 đường Đinh Công Tráng, Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá

trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Q thường xuyên chửi bới, lăng mạ, xúc phạm và đánh đập bà, do không chịu đựng được nên từ tháng 10-2021 đến nay bà đã ra ngoài để ở trọ tại Phường 8, thành phố Đ, còn ông Q vẫn sống tại địa chỉ: số 47 đường Đinh Công Tráng, Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nay bà xác định tình cảm với ông Quyền không còn và không thể tiếp tục sống chung vì mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Q.

Bị đơn ông Trần Hữu Quyền trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà T trình bày là đúng. Tuy nhiên, theo ông mâu thuẫn vợ chồng như bà T trình bày là không đúng, đôi khi bức tức ông có lời nói chỉ bảo đối với bà T, hoàn toàn không có hành vi chửi bới, lăng mạ, xúc phạm và đánh đập như bà T trình bày, mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân là bởi bà T không chăm lo cho gia đình, không tề gia nội trợ, thường xuyên bỏ nhà đi ra ngoài ở. Nay qua yêu cầu xin ly hôn của bà T thì ông đồng ý.

Về con chung: bà T và ông Q thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hữu Quyền A, sinh ngày: 17-5-2014. Khi ly hôn bà T đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và đề nghị ông Trần Hữu Q có nghĩa vụ cấp dưỡng 5.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi ông Trần Hữu Q cũng đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận; về nợ chung: không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vào ngày 08-7-2022 nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Trần Hữu Q giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hữu Q; về con chung: giao con chung là cháu Trần Hữu Quyền A, sinh ngày: 17-5-2014 cho ông Trần Hữu Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Đ cấp ngày 02-01-2014; lời thừa nhận hai bên đương sự đã đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông Q là hôn nhân hợp pháp. Qua xem xét thấy

rằng, sau khi kết hôn vợ chồng bà T và ông Q chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Thực tế, khoảng 06 tháng trở lại đây hai bên đã không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống; sự việc này cho thấy hai bên đã vi phạm về quyền và nghĩa vụ vợ chồng, vi phạm nguyên tắc tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Qua yêu cầu ly hôn của bà T thì ông Q cũng đồng ý. Do đó, cần công sự nhận thuận tình ly hôn giữa bà Toán và ông Quyền theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: bà T và ông Q xác nhận có 01 con chung tên Trần Hữu Quyền A, sinh ngày: 17-5-2014. Khi ly hôn bà T và ông Q cùng có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện tại bà T đang không có chỗ ở ổn định, còn ông Q có chỗ ở ổn định tại số 47 đường Đinh Công Tráng, Phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Mặt khác, cháu Trần Hữu Quyền A hiện tại đang do ông Quyền trực tiếp nuôi dưỡng, sức khỏe và thể chất phát triển bình thường, cháu cũng có nguyện vọng được ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, do đó để đảm bảo quyền lợi của con về mọi mặt, bảo đảm sự ổn định, liên tục và giảm thiểu sự xáo trộn với môi trường sống và giáo dục của con, cần giao cháu Trần Hữu Quyền A cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, do ông Q không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[3] Về tài sản chung: bà T và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: hai bên xác nhận không có nên không đề cập.

[4] Về án phí: bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hữu Q.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Trần Hữu Quyền A, sinh ngày: 17-5-2014 cho ông Trần Hữu Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi

người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001863 ngày 30-5-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố ;
- UBND phường 7, thành phố Đ, Thành phố Đà Lạt,
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án; bộ phận lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Công Hoàn

